

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/3/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Phú

2. Ông Lương Ngọc Biên

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19/3/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 298/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; nơi ĐKKH: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thôn T, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Ngọc N vào ngày 17/12/2012; trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 5/2017, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bản thân chị và anh N đã dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả. Do vậy, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Minh T, sinh ngày 11/01/2013. Hiện con chung đang ở với anh N. Nay ly hôn chị đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô H kết hôn với nhau ngày 17/12/2012. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng. Sau khi kết hôn cô H về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và đã có một con chung. Tháng 9 năm 2016 cô Hồng đi xuất khẩu tại Đài Loan, đến tháng 7 năm 2018 cô H về nước. Khi về nước cô H về thẳng nhà đẻ ở mà không quay lại chung sống cùng anh, mặc dù vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Bản thân anh cũng không hiểu vì lý do gì mà cô H không quay về chung sống cùng anh nữa. Từ khi cô H về nhà đẻ anh không gọi cô H về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Nếu cô H vẫn nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Minh T, sinh ngày 11/01/2013. Hiện con chung đang ở với tôi. Nếu ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cô Hồng phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng do anh Nhất vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh N vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc N.

Về con chung: Giao cho anh Trần Ngọc N trực tiếp nuôi con chung là Trần Minh T, sinh ngày 11/01/2013.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo phía chị H là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị được ly hôn. Tại bản tự khai ngày 03/01/2019, anh N thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tháng 9 năm 2016 chị H đi xuất khẩu tại Đài Loan, đến tháng 7 năm 2018 chị H về nước. Khi về nước chị H về thẳng nhà đẻ ở mà không quay lại chung sống cùng anh nữa, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi cô H về nhà đẻ ở anh cũng không gọi cô H về đoàn tụ vợ chồng, anh N không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hai bên đến Tòa án để hòa giải nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có một con chung là Trần Minh T, sinh ngày 11/01/2013. Hiện nay con chung đang ở với anh N, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, anh N đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, chị H đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con chung. Do vậy, cần giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc N.

2. Giao cho anh Trần Ngọc N trực tiếp nuôi con chung là Trần Minh T, sinh ngày 11/01/2013.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Hồng có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0002961 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Oanh